

Số: 176/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kinh tế tài chính
của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-KĐCL ngày 24/9/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 39 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-KĐCL ngày 24/9/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 39;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kinh tế tài chính của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 39 ngày 10/10/2025 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kinh tế tài chính của Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kinh tế tài chính đúng theo quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo sau thẩm định chi tiết trong Phụ lục I (kèm theo Nghị quyết).

Điều 2. Kiến nghị Học viện Nông nghiệp Việt Nam cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục được khuyến nghị chi tiết trong Phụ lục II (kèm theo Nghị quyết).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kinh tế tài chính của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐGCNCLGD.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KINH TẾ TÀI CHÍNH CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị quyết số: 176/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 10 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			
Tiêu chuẩn 1		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4.20	5	100%			
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4						
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4						
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4						
Tiêu chuẩn 2		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.4	4						
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	5						
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4.20	5	100%			
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4						
Tiêu chuẩn 3		4.00	3	100%	Tiêu chí 8.2	4						
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 8.4	4						
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5						
Tiêu chuẩn 4		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 9		4.20	5	100%			
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	5						
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4						
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4						
Tiêu chuẩn 5		4.00	5	100%	Tiêu chí 9.4	4						
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4						
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4.00	6	100%			
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chí 10.1	4						
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4						
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4						
Tiêu chuẩn 6		4.14	7	100%	Tiêu chí 10.4	4						
Tiêu chí 6.1	5				Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4						
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4.00	4	80%			
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	5						
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4						
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4						
					Tiêu chí 11.4	4						
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.5	3						
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt				Tỉ lệ số tiêu chí đạt						
		48				96%						

Phụ lục II

CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ TÀI CHÍNH CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị quyết số: 176/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 10 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kinh tế tài chính (CTĐT) của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2020 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT rõ ràng, cập nhật định kỳ, bám sát chuẩn CTĐT quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và phù hợp với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được thiết kế đầy đủ, đồng bộ, công bố công khai trên website và phổ biến đến sinh viên từ đầu khóa. Cấu trúc chương trình dạy học được thiết kế hợp lý với tỷ lệ cân đối giữa các khối kiến thức, tích hợp các vấn đề chuyên sâu của ngành, lộ trình dạy học rõ ràng; một số học phần đã tích hợp tốt các kỹ năng như tư duy phản biện, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và sáng tạo, kết hợp nền tảng công nghệ như LMS bước đầu hình thành năng lực học tập suốt đời. Triết lý giáo dục được chuyển tải với phương pháp dạy học đa dạng, kết hợp lý thuyết và thực tiễn, tích hợp công nghệ và hình thành năng lực học tập suốt đời. Quy chế kiểm tra đánh giá được xây dựng chặt chẽ, tuân thủ quy định, kết hợp phù hợp giữa đánh giá quá trình và cuối kỳ với rubrics minh bạch, đảm bảo tính khách quan và công bằng. Đội ngũ giảng viên cơ hữu được phát triển theo kế hoạch rõ ràng, có năng lực chuyên môn đáp ứng tốt yêu cầu, nhiều nghiên cứu công bố quốc tế. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được xây dựng đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu về phẩm chất và năng lực, được đào tạo bồi dưỡng thường xuyên theo chiến lược phát triển của Học viện. Chính sách, quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng quy định hiện hành, được cập nhật hàng năm, công bố công khai trên website, fanpage Học viện/ Khoa và được tổ chức truyền thông hiệu quả; công tác tư vấn và giám sát tiến bộ học tập được thực hiện tốt thông qua phần mềm Edusoft, hệ thống câu lạc bộ hoạt động hiệu quả và cảnh quan sư phạm được đầu tư đảm bảo an toàn, thuận lợi. Cơ sở vật chất được đầu tư rộng lớn với hệ thống công nghệ thông tin, phòng học, cơ sở dữ liệu điện tử và học liệu tài chính được bổ sung, thư viện có nguồn tài liệu tham khảo quốc tế hỗ trợ quá trình học tập và nghiên cứu; phòng cháy chữa cháy và ký túc xá đáp ứng đầy đủ quy định và đạt mức hài lòng cao. CTĐT được rà soát, điều chỉnh định kỳ, phù hợp với Khung trình độ quốc gia; khảo sát người học, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng được duy trì thường xuyên. Hệ thống quản lý học vụ được thiết lập chặt chẽ, số liệu đầu ra và ý kiến các bên liên quan được thu thập, xử lý đầy đủ, hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên được tổ chức chuyên nghiệp với tỷ lệ tốt nghiệp 83,4% và đúng hạn 67,3%, thể hiện kết quả đầu ra khả quan.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tái cấu trúc và diễn đạt tường minh hơn một số chuẩn đầu ra; cụ thể hóa các chuẩn đầu ra theo hướng đo lường được, gắn với các khung kỹ năng và chuẩn nghề nghiệp hiện hành; thiết kế bộ công cụ khảo sát riêng theo từng nhóm đối tượng (sinh viên, giảng viên, doanh nghiệp...) và từng chuẩn đầu ra cụ thể; mở rộng kênh tham vấn tới doanh nghiệp thông qua các hình thức đa dạng và chuyên sâu hơn; hoàn thiện hệ thống công thông tin đào tạo hoặc LMS giúp sinh viên tra cứu đầy đủ chuẩn đầu ra, liên hệ đến học phần và tiêu chí đánh giá, đồng thời tăng cường truyền thông về vai trò của chuẩn đầu ra ngay từ đầu khóa học nhằm thúc đẩy năng lực tự định hướng và học tập suốt đời của người học.

2. Cập nhật bản mô tả CTĐT với đầy đủ thông tin về đối tác hợp tác và đặc thù của ngành học; xây dựng một thư viện số lưu trữ tập trung đề cương các học phần toàn ngành theo khóa-ngành-học kỳ, tích hợp trên website hoặc LMS, đồng thời cải tiến cấu trúc công bố CTĐT trên trang tuyển sinh; hướng dẫn sinh viên sử dụng hiệu quả hệ thống này trong hoạt động định hướng đầu khóa để tăng cường khả năng tiếp cận, góp phần đảm bảo công khai, minh bạch và nâng cao chất lượng CTĐT một cách toàn diện.

3. Hoàn thiện và chuẩn hóa sơ đồ cây chương trình theo các phiên bản CTĐT đã ban hành, bổ sung rõ các mối liên kết học phần; điều chỉnh các học phần tăng tỷ lệ học phần tự chọn, tăng mức độ tích hợp thực tiễn nghề nghiệp, mô phỏng tình huống, công cụ công nghệ số và phần mềm chuyên ngành; thể hiện rõ hoạt động học tập cụ thể, tên công cụ, sản phẩm đầu ra và phương pháp đánh giá phù hợp với từng PLO trong đề cương; rà soát ma trận PLO-học phần để tăng tỷ lệ số lượng các học phần đóng góp cho việc đạt được các năng lực nghề nghiệp then chốt của người học.

4. Xây dựng kế hoạch cụ thể, đảm bảo triết lý giáo dục được thể hiện rõ trong CTĐT và đề cương chi tiết học phần; tổ chức tập huấn cho giảng viên về cách tích hợp triết lý giáo dục vào thiết kế bài giảng, ưu tiên các phương pháp học chủ động như nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, đảm bảo áp dụng đồng đều giữa các học phần; bổ sung mô tả chi tiết về phương pháp học phù hợp với chuẩn đầu ra, hướng dẫn tự học và kỹ năng học tập chủ động trong mỗi đề cương học phần; thiết lập cơ chế đánh giá năng lực học tập suốt đời thông qua các công cụ như bài tập thực tiễn, dự án nhóm, và hồ sơ học tập cá nhân, kết hợp khảo sát định kỳ để đo lường hiệu quả triển khai và điều chỉnh kịp thời.

5. Tăng cường áp dụng các hình thức đánh giá theo hướng phát triển năng lực, kết hợp đa dạng giữa bài thi tự luận, bài tập tình huống và đánh giá dựa trên sản phẩm; xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi chuẩn hóa, gắn với ma trận đề và thang Bloom; thực hiện phản hồi kết quả học tập đúng hạn, có nhận xét chi tiết, gắn với tiêu chí đánh giá cụ thể để giúp người học điều chỉnh chiến lược học tập hiệu quả; tăng cường tập huấn cho giảng viên về phương pháp đánh giá theo tiếp cận năng lực để nâng cao hiệu quả giảng dạy, bảo đảm công bằng và cải tiến chất lượng CTĐT.

6. Xây dựng và triển khai chính sách xây dựng và thu hút, giữ giảng viên giỏi với các cơ chế đặc thù để thu hút giảng viên trình độ cao và phát triển chuyên gia đầu ngành kế cận cho CTĐT; cải tiến tiêu chí đánh giá năng lực, mức năng lực để đánh giá và đào tạo cán bộ giảng viên theo từng vị trí việc làm, quan tâm năng lực chuyển đổi số và ứng dụng AI; hoàn thiện công cụ, phương thức và bộ chỉ số KPIs trong đó có ghi nhận cụ thể đối với các loại hình hoạt động phục vụ cộng đồng để đánh giá, ghi nhận hiệu quả đóng góp đi cùng với đổi mới chính sách đãi ngộ để tạo động lực và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; tiếp tục điều chỉnh, ban hành các

chính sách, cơ chế thúc đẩy hợp tác, kết nối để đẩy mạnh các nghiên cứu đỉnh cao, liên ngành có khả năng ứng dụng, chuyển giao trong thực tiễn và tăng cường công bố quốc tế để phát huy tiềm lực của cán bộ giảng viên tham gia CTĐT.

7. Hoàn thiện và đưa vào thực hiện bộ KPIs cho đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo hướng lượng hóa rõ ràng, chi tiết (bao gồm cả năng lực về phục vụ cộng đồng) và có tính phân loại cao để đánh giá đúng năng lực của các nhóm nhân viên với chức năng nhiệm vụ khác nhau; xây dựng quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cố vấn học tập; sử dụng kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên để thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động và đối sánh qua các năm; tổ chức và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa được tham gia các khóa bồi dưỡng phục vụ công tác cố vấn học tập và trợ lý khoa nhằm nâng cao hiệu quả công tác của nhóm cán bộ này, phục vụ và hỗ trợ tốt hơn nữa cho các CTĐT của Khoa.

8. Đẩy mạnh ứng dụng các công cụ số trong công tác tư vấn tuyển sinh nhằm tăng tốc độ, hiệu quả hỗ trợ và nâng cao trải nghiệm của thí sinh, phụ huynh; đánh giá sâu hiệu quả Đề án Nối vòng tay lớn, thiết kế cơ chế phân nhóm hỗ trợ phù hợp và áp dụng công cụ theo dõi, phản hồi để tăng tính hiệu quả; phát huy thế mạnh sẵn có để nâng tầm hoạt động câu lạc bộ và ngoại khóa, gắn với các mô hình sáng tạo, dự án thực tế, mentor và công nghệ mới, qua đó hỗ trợ người học toàn diện hơn.

9. Nâng cấp ký túc xá, thư viện, giảng đường, cải thiện wifi và hệ thống di chuyển nội bộ; bổ sung chỗ ngồi, thiết bị tra cứu thư viện, cập nhật tài liệu mới, đẩy mạnh học liệu số; đầu tư thiết bị hiện đại cho phòng thực hành, xây dựng hệ thống mô phỏng tài chính-ngân hàng, tăng cường bảo trì định kỳ; thiết lập cổng thông tin công nghệ thông tin chung, thành lập bộ phận công nghệ thông tin chuyên trách, thúc đẩy chuyển đổi số; ban hành quy định chi tiết hỗ trợ người khuyết tật, bổ sung khảo sát riêng, phân tích phản hồi theo nhóm đối tượng, công khai kế hoạch cải tiến; xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, tăng cường hợp tác doanh nghiệp để tối ưu thực hành, đảm bảo đầu tư đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu.

10. Mở rộng và đa dạng hóa kênh phản hồi từ nhà tuyển dụng, thành lập Hội đồng tư vấn (Advisory Board) với doanh nghiệp và cơ quan quản lý/ hiệp hội để tăng giá trị góp ý và cập nhật CTĐT theo xu hướng mới; rà soát, hoàn thiện quy định và hướng dẫn phát triển CTĐT đảm bảo tiếp cận theo OBE; rà soát phương pháp kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra, chuẩn hóa rubric và sắp xếp tiến trình thực hiện các học phần phù hợp với logic I-P-R-M; xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể cho năng lực mềm (tự chủ, trách nhiệm, đạo đức...) và tăng cường tập huấn giảng viên về công cụ đo lường; đẩy mạnh biên soạn giáo trình từ kết quả nghiên cứu, phát triển học phần/dự án thực tế gắn với sinh viên; giám sát định kỳ mức độ hài lòng về dịch vụ; ưu tiên nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quy mô đào tạo tăng nhanh gần đây; hoàn thiện bộ công cụ khảo sát theo hướng khoa học, bổ sung câu hỏi mở về xu hướng, phân tích kết quả theo CTĐT và đánh giá tác động xã hội để bảo đảm cải tiến bền vững.

11. Tận dụng đào tạo tín chỉ và chuyển đổi số để xây dựng lộ trình học tập cá nhân hóa, rút ngắn thời gian tốt nghiệp; mở rộng nghiên cứu khoa học sinh viên thông qua kết nối đề tài giảng viên, dự án doanh nghiệp, khuyến khích sáng tạo; xây dựng cơ sở dữ liệu cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, tăng cường khảo sát nhà tuyển dụng để đánh giá chuẩn đầu ra, sử dụng kết quả cải tiến CTĐT; thiết lập hệ thống quản lý chặt chẽ với hồ sơ cá nhân đầy đủ, vận hành LMS cập nhật điểm số, tiến độ thường xuyên; phân công giảng viên cố vấn gặp gỡ định kỳ (ít nhất

hai lần/học kỳ), lập báo cáo tiến độ để xác định và hỗ trợ sinh viên chậm tiến độ, đảm bảo nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn cho ngành Kinh tế tài chính.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kinh tế tài chính gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
